

PHỤ LỤC 1
KẾ HOẠCH LẤY MẪU GIÁM SÁT ĐU LƯỢNG NĂM 2025 - TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo công văn số: /CCTB-NV ngày /01/2025 của
Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ)

Tỉnh	Vùng nuôi	Mã số vùng nuôi	Số lượng thủy sản CCÁ và TB	Đối tượng/Loại mẫu	Dự kiến tháng lấy mẫu và số lượng mẫu cần lấy													Dự kiến nhóm chỉ tiêu chỉ định phân tích (đối với mẫu thủy sản nuôi)			
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Tổng mẫu				
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>	<u>10</u>	<u>11</u>	<u>12</u>	<u>13</u>	<u>14</u>	<u>15</u>	<u>16</u>	<u>17</u>	<u>18</u>	<u>19</u>			
Quảng Bình	Quảng Trạch (bao gồm TX Ba Đồn)	44/01	950	Tôm CT					1									1	Th 5: 1 B1a (Tet)		
				Tôm CT						1									1	Th 6: 1 nhóm kim loại nặng	
				Tôm CT								1								1	Th 7: 1 A2a
				Tổng	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	3	
	Bố Trạch (bao gồm TP Đồng Hới)	44/02	180	Tôm sú									1					1	Th 8: 1 B1a (Erythromycin)		
				Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1		
		2500	Tôm CT				1												1	Th 4: 1 A2b	
			Tôm CT					1											1	Th 5: 1 B1a (Qui)	
			Tôm CT							1									1	Th 6: 1 B1a (Sul)	
			Tôm CT								1								1	Th 7: 1 nhóm thuốc trừ sâu gốc Chlo hữu cơ	
			Tôm CT									1							1	Th 8: 1 nhóm kim loại nặng	
			Tôm CT											1					1	Th 9: 1 A2c	
			Tổng	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	0	6		
			Tổng	0	0	0	1	2	1	2	2	2	0	0	0	0	0	0	10	0	
			Nước ương					1											1	Th 5: 1 (A2a, Furazolidone)	
			Nước ương										1						1	Th 7: 1 (A2a, Furazolidone)	
			Nước ương												1				1	Th 9: 1 (A2a, Furazolidone)	
			Tổng	0	0	0	0	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	3	0	
		Tổng	0	0	0	1	2	1	2	2	2	0	0	0	0	0	0	10	0		
		Quảng Ninh (bao gồm huyện Lệ Thủy)	44/03	575	Tôm CT					1									1	Th 5: 1 B1a (Trimethoprim)	
Tôm CT											1							1	Th 7: 1 nhóm thuốc trừ sâu gốc Chlo hữu cơ		
Tôm CT														1				1	Th 9: 1 A3a		
Tổng	0				0	0	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	3	0		
	Nước ương					1												1	Th 4: 1 (A2a, Furazolidone)		
	Nước ương									1								1	Th 6: 1 (A2a, Furazolidone)		
	Nước ương											1						1	Th 8: 1 (A2a, Furazolidone)		
	Tổng		0	0	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	3	0		
Tổng	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	0	0	6	0				
Tổng mẫu/tháng					0	0	0	2	4	3	4	3	3	0	0	0	19				

Ghi chú:

- Nhóm kháng sinh cấm (Nhóm A):

- + Nhóm A2a: Chloramphenicol (CAP)
- + Nhóm A2b: Nitrofurans (NF: AOZ, AMOZ, AHD, SEM)
- + Nhóm A2c: Nitroimidazoles (Nitroi: HMMNI, IPZ, IPZ-OH, MNZ, MNZ-OH, RNZ, DMZ)
- + Nhóm A3a: thuốc nhuộm (Malachite green - MG, Leucomalachite green - LMG)
- + Nhóm A3c: Ormetoprim
- + Nhóm A3f: Triluralin

- Nhóm kháng sinh được phép sử dụng (Nhóm B):

Nhóm B1a:

- + Nhóm Tetracycline (Tet): Oxytetracycline, Tetracycline, Doxycycline
- + Nhóm Sulfonamide (Sul): Sulfadiazine, Sulfadimidine (Sulfamethazine), Sulfamethoxazole, Sulfadimethoxine, Sulfachoropyridazine
- + Nhóm Quinolones (Qui): Enrofloxacin, Ciprofloxacin, Sarafloxacin, Flumequin
- + Trimethoprim
- + Amoxicillin
- + Erythromycin

Nhóm B1b:

- + Trichlorfon (Dipterex)
- + Praziquantel
- + Ivermectin
- + Avermectin
- + Levamisol
- + Fenbendazole
- + Albendazole

Nhóm B2: Toltrazuril

- Nhóm thuốc bảo vệ thực vật gốc Chlo hữu cơ: Aldrine, Dieldrine, Endrine, Heptachlor, DDT, Chlordane, Hexachorobenzen, Lindane

- Nhóm chất gây ô nhiễm môi trường: Kim loại nặng (Hg, Cd, Pb)